

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DSST

Ngày: 29/11/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**
Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2021/TLST - DS ngày 08/6/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-DS ngày 25/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-DS ngày 11/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Đ

Địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hồng H - Nhân viên phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng Đ (theo quyết định ủy quyền số: 151/QĐ-DAB ngày 30/12/2020). Có mặt.

Bị đơn: Ông **Đào Văn H**, sinh năm 1985 và bà **Phạm Thị Phương L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày: Ngày 18/01/2019, bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N.0062/119, ngày 18/01/2019 để vay của Ngân hàng Đ số tiền 150.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư nông nghiệp; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 11,00%/năm (lãi quá hạn 16,50%/năm); Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo khoản nợ vay này, bị đơn đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số: N0052/TC18, ngày 16/01/2018 được công chứng ngày 16/01/2018, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2018. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 20 và 29, tờ bản đồ 33; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 190291 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20/9/2012 cho ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, từ ngày 18/01/2019 đến ngày 15/11/2020 bị đơn trả được số tiền lãi trong hạn là 8.200.000 đồng, sau đó thì không tiếp tục trả nữa mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L phải trả nợ cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 29/11/2021 là 204.477.397 đồng, trong đó: 150.000.000 đồng là tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn là 8.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 46.177.397 đồng.

Ngoài ra cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N.0062/119, ngày 18/01/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bị đơn không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N0052/TC18, ngày 16/01/2018 đã được công chứng ngày 16/01/2018 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2018 để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông H và bà L phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 204.477.397 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, số tiền lãi

trong hạn là 8.300.000 đồng, số tiền lãi quá hạn là 46.177.397 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bị đơn để thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 18/01/2019, ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: N.0062/119, ngày 18/01/2019 để vay của Ngân hàng Đ số tiền 150.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đầu tư nông nghiệp; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 11,00%/năm (lãi quá hạn 16,50%/năm); Thời hạn vay: 12 tháng. Để đảm bảo khoản nợ vay này, bị đơn đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N0052/TC18, ngày 16/01/2018 được công chứng ngày 16/01/2018 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2018. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 20 và 29, tờ bản đồ 33; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 190291 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20/9/2012 cho ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn mới trả được số tiền lãi trong hạn là 8.200.000 đồng và sau đó không tiếp tục trả gốc, trả lãi nữa. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L phải trả nợ cho Ngân hàng Đ số tiền 204.477.397 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 8.300.000 đồng, số tiền lãi quá hạn là 46.177.397 đồng. Trường hợp bị đơn không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên

đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N0052/TC18, ngày 16/01/2018 được công chứng ngày 16/01/2018 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2018 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

Buộc ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 204.477.397 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó: số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 8.300.000 đồng, số tiền lãi quá hạn là 46.177.397 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi

của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: N0052/TC18, ngày 16/01/2018 được công chứng ngày 16/01/2018 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2018 để thu hồi nợ. Theo đó tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 20 và 29, tờ bản đồ 33; địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 190291 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20/9/2012 cho ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ. Vì vậy buộc bị đơn là ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L phải trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc ông Đào Văn H và bà Phạm Thị Phương L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.223.870 đồng (*Mười triệu hai trăm hai mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.469.452 đồng (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000818 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H